TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9- TP HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **46**/2025/QĐST-DS	*Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 196/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án ngày 06 tháng 11 năm 2025 là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Cụ Đoàn Văn H, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn B, xã P, TP. Hà Nội

Cụ H ủy quyền cho ông Đoàn Văn D, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn B, xã P, TP. Hà Nội tham gia tố tụng

* Bị đơn: Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn V, xã P, TP. Hà Nội

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Kiều Thị K1, sinh năm 1952

2. Ông Đoàn Văn D, sinh năm 1981

3. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, TP. Hà Nội.

4. Ông Đoàn Văn P, sinh năm 1958 (đã chết năm 1991)

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Đoàn Văn P:

+ . Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1960 (vợ ông P)

+ . Anh Đoàn Văn M, sinh năm 1980 (con ông P)

+ . Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1983 (con ông P)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, TP . Hà Nội

+ . Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1986 (con ông P)

Địa chỉ: Thôn P, xã P, TP . Hà Nội

+ . Anh Đoàn Văn T1, sinh năm 1990 (con ông P)

Địa chỉ: Thôn B, xã P, TP . Hà Nội

+ Bà Đoàn Thị H2, sinh năm 1978 (đã chết năm 2012) (con ông P)

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Đoàn Thị H2:

+) Ông Trần Văn T2, sinh năm 1972 (chồng bà H2)

+) Chị Trần Thị P1, sinh năm 1997 (con bà H2)

+) Anh Trần Văn N1, sinh năm 1999 (con bà H2)

+) Chị Trần Thị H3, sinh năm 2001 (con bà H2)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, TP . Hà Nội

5. Bà Đoàn Thị L1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn P, xã THàLH, tỉnh Lâm Đồng

6. Bà Đoàn Thị T3, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn B, xã P, TP . Hà Nội

7. Ông Đoàn Văn T4, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn B, xã P, TP . Hà Nội

8. Ông Đoàn Văn L2, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn B, xã P, TP . Hà Nội

9. Ông Đoàn Văn S, sinh năm 1984 (đã chết năm 2006)

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của anh Đoàn Văn S:

+. Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn V, xã P, TP . Hà Nội

+. Chị Đoàn Thị T5, sinh năm 2006

Địa chỉ: Thôn B, xã P, TP . Hà Nội

10. Anh Đoàn Văn Q, sinh năm 2002

11. Anh Đoàn Văn T6, sinh năm 2005

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, TP . Hà Nội

Bà K1, chị T, bà H1, anh M, chị L, chị N, anh T1, ông Trần Văn T2, chị P1, anh N1, chị H3, bà L1, bà T3, ông Đoàn Văn T4, ông L2, chị T5, anh Q, anh T6 ủy quyền cho ông Đoàn Văn D tham gia tố tụng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Xác định thửa đất số 101, tờ bản đồ số 10 tại thôn B - xã V - TP . (nay là thôn B - xã P - TP .), đất được UBND huyện P (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/6/2002 đứng tên hộ ông Đoàn Văn H là tài sản chung của 06 người gồm cụ Đoàn Văn H, cụ Nguyễn Thị K2 (đã chết năm 2012), bà Kiều Thị K1, ông Đoàn Văn D, bà Bùi Thị T, ông Đoàn Văn S (ông S chết năm 2006), 06 người cùng có quyền như nhau đối với thửa đất. Thời điểm mở thừa kế của cụ K2 là năm 2012. Thời điểm mở thừa kế của anh S là năm 2006. Trên cơ sở thống nhất của các đương sự, chia cụ thể như sau:

Giao cho ông Đoàn Văn D được quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên thửa đất số 101, tờ bản đồ 10, diện tích 226m^2 (đất ở) tại cụm H - xã V - huyện P - TP . (nay là thôn B - xã P - TP .), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04/6/2002 hộ ông Đoàn Văn H trị giá 904.000.000đ (Chín trăm linh bốn triệu đồng) giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,1

(*có sơ đồ kèm theo*)

- Ông Đoàn Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị K số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Ông D đã thanh toán xong cho bà K.

Ông D có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Cụ H, bà K, bà K1, ông D, bà T, bà H1, anh M, chị L, chị N, anh T1, ông Trần Văn T2, chị P1, anh N1, chị H3, bà L1, bà T3, ông Đoàn Văn T4, ông L2, chị T5, anh Q, anh T6 không còn quyền yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ 10, diện tích 226m^2 (đất ở) tại cụm H - xã V - huyện P - TP . (nay là thôn B - xã P - TP . cấp cho hộ ông Đoàn Văn H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày do UBND huyện P (cũ) cấp ngày 04/6/2002.

Về chi phí tố tụng: Cụ H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu

các đồng thừa kế phải chịu.

Án phí: Bà Đỗ Thị K tự nguyện chịu số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đoàn Văn D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.305.000đ (Tám triệu ba trăm linh lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Hà Nội;
- THADS khu vực 9 – Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Hải